

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-PT

Ngày: 15/7/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo Phạm T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm T, sinh ngày 1995; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, Huyện H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C, sinh năm 1973 và bà D, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo L, T nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2018, ông P trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Phú Yên nhiều lần mượn của bà Bùi T, trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Phú Yên, số tiền 24.000.000 đồng. Nhiều lần bà T đòi tiền nhưng ông P không trả. Tháng 4/2019, T gặp bạn là L và kể việc ông P nợ tiền không trả cho L nghe, L nói để L cùng T đi đòi nợ thì T đồng ý và nói nếu đòi được tiền thì T sẽ cho L “nhậu một bữa linh đình”. Sau đó, T và L đi đến nhà ông P để đòi tiền nhưng không gặp ông

Phân đi về. Khoảng 18 giờ ngày 19/4/2019, L gọi điện cho T nói L sẽ lên nhà ông P để đòi nợ thì T để L đi, T ở nhà không đi cùng. L rủ Phạm T và Trần Văn Tr thuê xe taxi (không nhớ taxi hãng nào), đi cùng L đến nhà ông P để đòi nợ. Đến nơi L gọi cửa, ông P ra mở cửa thì L cầm cổ áo ông P đẩy sát vào tường, ông P la lên. L yêu cầu ông P bật điện sáng rồi đi đến bàn ngồi. Lúc này bà X, ở cùng ông P nghe tiếng la, nên từ trong phòng ngủ chạy ra la lên thì bị L hăm dọa bảo im miệng, bà X sợ bỏ chạy trốn. Tiếp đó L yêu cầu ông P trả tiền cho bà T nhưng ông P không có tiền trả, L hét hô lớn tiếng yêu cầu ông P trả tiền, L dùng tay đánh vào mặt ông P rồi tiếp tục hét lớn yêu cầu ông P phải trả tiền, L cầm một cái điều khiển từ xa của đầu thu sóng truyền hình của nhà ông P đập xuống bàn nhiều lần và tiếp tục dùng tay đánh vào mặt ông P. Ông P hoảng sợ nên không dám phản ứng gì. L bảo Tr, T cùng L lấy đi một tivi hiệu LG 32in, một đầu tăng âm hiệu Caliasia PRO888VFD, một đầu đĩa hiệu Acnos SK 189, một đầu lọc âm hiệu CQ Califor, một điều khiển từ xa mang ra xe taxi chở đi về.

Trên đường về, L gọi điện cho T bảo không lấy được tiền nợ mà lấy được một số tài sản như trên và yêu cầu T lấy tài sản về cất nhưng T không đồng ý và không lấy tài sản nên L cất giữ. Quá trình điện thoại cho T, L không nói cho T biết là có đánh ông P rồi mới lấy tài sản và T cũng không có hỏi, không biết L lấy tài sản bằng cách nào. Đến ngày 23/4/2019, Cơ quan Công an yêu cầu giao nộp tài sản, nên T đã yêu cầu L đưa tài sản cho T để T giao nộp cho cơ quan Công an. Tại Bản kết L định giá tài sản số 14 ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết L, tổng giá trị các tài sản bị chiếm đoạt là 3.790.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HSST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên **L, Phạm T, Trần Văn Tr** phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Khoản 1, Điều 168; Điểm b, s, Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Tr**. Phạt: Bị cáo **L** – 30 (Ba mươi) tháng tù; **Phạm T** – 24 (Hai mươi bốn) tháng tù; **Trần Văn Tr** – 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2020, bị cáo **Phạm T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm c, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo – Sửa bản án sơ thẩm; phạt bị cáo **Phạm T** 01 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm T tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các đồng phạm, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết L: Khoảng 18 giờ ngày 19/4/2019, L rủ Phạm T, Trần Văn Trùng đồng ý đến nhà ông Nguyễn Đình P để đòi tiền nợ cho Bùi T; khi ông P chưa có tiền trả, L đã lớn tiếng hăm dọa, cầm một điều khiển từ xa đập xuống bàn, dùng tay đánh vào mặt ông P; các bị cáo T, Trùng nhìn thấy, nhưng không có hành động can ngăn; mà lại cùng L lấy đi của ông P một tivi hiệu LG 32in, một đầu tăng âm hiệu Caliasia PRO888VFD, một đầu đĩa hiệu Acnos SK 189, một đầu lọc âm hiệu CQ Califor, một điều khiển từ xa, có tổng giá trị 3.790.000 đồng, là đã thống nhất với nhau về mặt ý chí sử dụng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Phạm T và đồng phạm về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm T, Hội đồng xét xử thấy: Thông qua hành vi dùng vũ lực tấn công rồi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, mà bị cáo và các đồng phạm đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; mà còn gây bức xúc trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh, được người bị hại làm đơn bãi nại, xin cho bị cáo hưởng án treo là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xem xét vai trò phạm tội để cá thể hóa hình phạt; đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Nhằm đáp ứng yêu cầu phòng chống loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng tại địa phương, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm T– Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm T phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Phạt: Bị cáo **Phạm T**– 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Phạm T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện H(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an huyện H(1)
- Sở tư pháp (1);
- P.KTNV (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng